

Số: /BC-CTK

Vĩnh Phúc, ngày tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc
6 tháng đầu năm 2023

Sáu tháng đầu năm 2023, kinh tế toàn cầu vẫn gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh chịu tác động của các cú sốc tiêu cực chồng chéo như đại dịch Covid-19, xung đột giữa Nga và U-crai-na, lạm phát kéo dài và tình trạng ngày càng tồi tệ của biến đổi khí hậu đã khiến nhiều quốc gia đối mặt với suy giảm tăng trưởng. Tại thời điểm tháng 6/2023, các tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 ở mức 2,1% đến 2,8%¹, tăng nhẹ so với dự báo từ đầu năm nhưng vẫn thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng năm 2022. Trong nước, bên cạnh những mặt thuận lợi, nền kinh tế tiếp tục đối mặt những khó khăn, thách thức do những tác động, ảnh hưởng kép của các yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại kéo dài từ nhiều năm.

Vĩnh Phúc là một trong những tỉnh có tỷ trọng giá trị ngành công nghiệp cao, độ mở kinh tế lớn, do đó sự suy giảm của nền kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế của tỉnh. Việc giảm nhu cầu tiêu dùng và tăng lượng hàng tồn kho gây nên áp lực cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, là nguyên nhân chính gây ra sự suy giảm tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong 6 tháng đầu năm. Song, với sự quyết tâm cao độ của toàn Đảng bộ, chính quyền, người dân và doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh ổn định, tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu phục hồi tích cực. Việc triển khai các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo, bảo trợ xã hội được thực hiện hiệu quả. Các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, thể thao, du lịch tiếp tục được quan tâm, đẩy mạnh; an sinh xã hội được bảo đảm; quốc phòng, an ninh được giữ vững.

I. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn

Quý I năm 2023, ngành sản xuất công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc đã chịu ảnh hưởng lớn từ tình hình kinh tế thế giới cũng như cầu thị trường trong nước. Các

¹ Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng 2,1% (tăng 0,4 điểm%), Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) dự báo 2,7% (tăng 0,1 điểm %), Liên hợp quốc (UNDESA) dự báo 2,3%, Fitch Ratings (FR) dự báo 2,4% (tăng 0,4 điểm %), và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo 2,8% (giảm 0,1 điểm %).

ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh đều giảm hoặc đạt mức tăng thấp: sản xuất ô tô chỉ đạt sản lượng bằng 61,5%, ngành sản xuất xe máy đạt 85,7%, ngành sản xuất linh kiện điện tử đạt mức tăng thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây... Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) chung quý I giảm 4,91% so với cùng kỳ. Kinh tế Vĩnh Phúc với ngành công nghiệp là chủ lực, cơ cấu chiếm tới 57% trong tổng giá trị tăng thêm của ba khu vực, sự suy giảm trong hoạt động sản xuất công nghiệp đã ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng quý I của tỉnh.

Sang quý II, tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn có sự khởi sắc hơn ở cả 3 khu vực, trong đó, sản xuất kinh doanh của một số ngành công nghiệp chủ lực có sự phục hồi trở lại, tuy nhiên tốc độ phục hồi chậm, xu hướng chưa ổn định. Tăng trưởng quý II ước đạt mức tăng 3,76% so với cùng kỳ, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 9,89%; khu vực công nghiệp xây dựng tăng 1,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,78%. Tuy nhiên, với mức giảm 0,5% trong quý I nên tính chung 6 tháng đầu năm, tốc độ tăng GRDP ước đạt 1,69%, đứng thứ 10/11 tỉnh vùng Đồng bằng Sông Hồng và thứ 56/63 cả nước. Cụ thể các ngành, lĩnh vực như sau:

1.1. Tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản

Giá trị tăng thêm (GTTT) khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản quý II ước tăng 9,89%; tính chung 6 tháng đầu năm tăng 6,59%, đóng góp 0,4 điểm % tăng trưởng GRDP của tỉnh. Ngành chăn nuôi ghi nhận mức tăng 3,22%, nhưng vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn do giá cả một số sản phẩm như thịt gia cầm, thịt lợn bấp bênh, không ổn định; ngành trồng trọt tăng cao (+12,62%) so với cùng kỳ, nguyên nhân chính do vụ Xuân năm 2022 bị ảnh hưởng của ngập úng gây thiệt hại nặng cho ngành nông nghiệp. Ngành Lâm nghiệp tiếp tục sản xuất ổn định, tăng 3,25%; sản xuất thủy sản tăng 4,14% so với cùng kỳ.

1.2. Tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng

GTTT khu vực công nghiệp - xây dựng giảm 1,07%, làm giảm 0,54 điểm % tăng trưởng của tỉnh. Hoạt động sản xuất công nghiệp những tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn do kinh tế thế giới phục hồi chậm với chính sách thắt chặt tiền tệ ở nhiều quốc gia làm suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn dẫn đến đơn hàng sản xuất giảm, kim ngạch xuất khẩu giảm. Với tỷ trọng giá trị sản xuất khu vực FDI chiếm trên 80%, ngành công nghiệp Vĩnh Phúc chịu tác động lớn bởi tình hình kinh tế thế giới. Quý II, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có xu hướng khả quan hơn quý I, đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành sản xuất linh kiện điện tử. Với mức giảm sâu ở quý I (-4,23%) nên tính chung 6 tháng đầu năm, GTTT khu vực công nghiệp vẫn giảm 1,68% so với cùng kỳ, làm giảm 0,76 điểm phần trăm tăng trưởng chung của Tỉnh.

Trong số các ngành công nghiệp chủ lực, ngành sản xuất linh kiện điện tử tiếp tục đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng trưởng chung của tỉnh. GTTT trong 6 tháng đầu năm ước tính tăng 14,17%, góp phần 2,82 điểm phần trăm vào tốc độ tăng trưởng của tỉnh. Ngành sản xuất ô tô vẫn gặp nhiều khó khăn từ đầu năm do cầu thị trường giảm, đồng thời phải cạnh tranh gay gắt với xe nhập khẩu khi không còn chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 103/2021/NĐ-CP. GTTT 6 tháng đầu năm ước giảm 42,83%, làm giảm 1,88 điểm % tăng trưởng chung. Ngành sản xuất xe máy cũng gặp khó khăn do tình hình kinh tế chung và thay đổi trong nhu cầu tiêu dùng, ước giảm 10,55%, làm giảm 1,04 điểm % tăng trưởng chung.

Ngành xây dựng gặp nhiều khó khăn do giá cả nguyên vật liệu vẫn ở mức cao; thị trường bất động sản đang trầm lắng; lãi suất ngân hàng ở mức cao gây khó khăn trong việc tiếp cận vốn tín dụng ... Tuy nhiên, với nỗ lực của các cấp chính quyền trong việc quyết liệt triển khai vốn đầu tư công, hoạt động xây dựng vẫn duy trì được mức tăng ổn định. GTTT ngành xây dựng quý II ước tính tăng 6,36%, tính chung 6 tháng đầu năm ước tăng 4,75%, đóng góp 0,22 điểm % tăng trưởng chung.

1.3. Tăng trưởng khu vực dịch vụ

Sáu tháng đầu năm 2023, do không còn ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 như cùng thời điểm năm trước nên các hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong 6 tháng đầu năm diễn ra khá sôi động; nhu cầu về đi lại, tham quan du lịch, ăn uống ngoài gia đình của người dân tăng khá cao so với cùng kỳ năm 2022; nhiều lễ hội được tổ chức với quy mô lớn, thu hút đông đảo du khách thăm quan, qua đó góp phần quan trọng vào quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng trưởng khu vực dịch vụ quý II ước tăng 9,78%, tính chung 6 tháng đầu năm 2023 tăng 9,66%, đóng góp 1,97 điểm % tăng trưởng của tỉnh. Ước tính tăng trưởng của một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn đã đóng góp nhiều vào tốc độ tăng chung của khu vực dịch vụ: Ngành G. Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy tăng 12,59% đóng góp 0,71 điểm %; ngành H. Vận tải kho bãi tăng 13,76, đóng góp 0,23 điểm %; ngành I. Dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 20,39%, đóng góp 0,19 điểm %; Ngành R. Nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 15,08%, đóng góp 0,04 điểm %...

1.4. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp

Thuế sản phẩm 6 tháng đầu năm 2023 giảm 0,64% so với cùng kỳ, làm giảm 0,15 điểm % tăng trưởng chung. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong một số ngành sản xuất công nghiệp chủ lực của tỉnh, đã tác động không nhỏ tới nguồn thu ngân sách của tỉnh.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

Sáu tháng đầu năm 2023, sản xuất nông nghiệp còn gặp một số khó khăn do thời tiết nắng nóng ít mưa, cây trồng bị thiếu nước trong thời kỳ sinh trưởng; sản xuất chăn nuôi cầm chừng do giá bán các sản phẩm chăn nuôi không ổn định (đặc biệt giá lợn và giá trứng gia cầm ở mức thấp kéo dài trong nhiều tháng) trong khi chi phí đầu vào tăng do giá thức ăn chăn nuôi giữ ở mức cao. Tuy nhiên, với nỗ lực của các cấp, các ngành và bà con nông dân, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh nhìn chung đạt kết quả khá, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, an ninh lương thực và ổn định đời sống của Nhân dân trên địa bàn.

2.1. Sản xuất nông nghiệp

a. Trồng trọt: Vụ Đông Xuân năm 2023, tỉnh tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất trồng trọt nói riêng phát triển với mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, mở rộng quy mô các vùng trồng trọt, tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn, phát huy tiềm năng và thế mạnh của nền sản xuất nông nghiệp và nâng cao thu nhập cho người nông dân.

Kết quả sơ bộ sản xuất vụ Đông Xuân 2023: Toàn tỉnh gieo trồng được 52.465,28 ha cây hàng năm, đạt 99,93% kế hoạch đặt ra và giảm 1,78% so với vụ đông xuân năm trước. Trong đó, diện tích vụ đông 14.830,52 ha, chiếm 28,27%, diện tích vụ xuân 37.634,76, chiếm 71,73% tổng diện tích gieo trồng vụ đông xuân. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 215.358,46 tấn, tăng 15,97% so với vụ đông xuân 2022.

Diện tích gieo trồng lúa ước đạt 28.986,51 ha, chiếm 55,25% tổng diện tích gieo trồng vụ đông xuân của tỉnh, đạt 101,71% kế hoạch và giảm 1,21% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến trung tuần tháng Sáu, toàn bộ diện tích lúa đã được bà con thu hoạch xong. Thời tiết diễn biến bất thường, tình trạng thiếu nước khiến quá trình sinh trưởng, phát triển của cây lúa vụ xuân 2023 bị ảnh hưởng đáng kể, năng suất gieo trồng lúa vụ xuân năm 2023 sơ bộ đạt 61,88 tạ/ha, tăng 20,87% so với năm 2022 là năm chịu ảnh hưởng bởi mưa lớn gây ngập úng, tuy nhiên giảm 1,4% với năng suất lúa vụ xuân năm 2021 là năm thời tiết tương đối thuận lợi.

Ở nhóm cây hàng năm khác: Diện tích gieo trồng cây hàng năm các loại ước đạt 23.478,77 ha, giảm 2,48% so với cùng kỳ. Năng suất gieo trồng hầu hết các loại cây đều tăng do vụ đông xuân năm 2022 bị ảnh hưởng lớn bởi tình trạng ngập úng, nhiều diện tích mất trắng không cho thu hoạch: Ngô tăng 6,37%; khoai

lang tăng 2,34%; lạc tăng 17,81%; rau các loại tăng 19,85%. Năng suất một số cây hằng năm chủ yếu Vụ Đông Xuân cụ thể như sau:

Cây hoa màu				
 61,88 tạ/ha Lúa ▲ 20,87%	48,54 tạ/ha  Ngô ▲ 6,37%	121,55 tạ/ha  Khoai lang ▲ 2,34%	18,76 tạ/ha  Đậu tương ▼ 4,04%	232,25 tạ/ha  Rau các loại ▲ 19,85%

Cây lâu năm: 6 tháng đầu năm 2023, sản xuất cây lâu năm của tỉnh duy trì ổn định với diện tích hiện có ước đạt 8.241,46 ha, giảm 0,21% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích cây lâu năm ở tỉnh giảm do sản lượng không ổn định do tình hình thời tiết, giá bán thấp và thiếu thị trường tiêu thụ ổn định. Trong tổng diện tích trồng cây lâu năm của tỉnh, cây ăn quả tiếp tục là nhóm cây lâu năm chủ lực với 7.732,40 ha, chiếm 93,82%. Ước tính sản lượng một số cây ăn quả chính có thu sản phẩm trong 6 tháng đầu năm nay như sau: Cây xoài ước đạt 6.241,50 tấn, tăng 1,53%; chuối đạt 41.127,15 tấn, tăng 2,45%; dứa đạt 1.595,71 tấn, giảm 5,18%; bưởi đạt 335,0 tấn, tăng 2,45%; vải đạt 10.390,72 tấn, tăng 1,17%...

b. Chăn nuôi: Ngành chăn nuôi đã có sự phát triển với việc áp dụng giống vật nuôi mới, tiến bộ kỹ thuật và quy trình an toàn sinh học. Các sản phẩm chăn nuôi chủ yếu như thịt lợn, thịt gia cầm, sữa bò tươi và trứng gà đều tăng. Tuy nhiên, ngành vẫn phải đối mặt với những khó khăn như sản xuất còn nhỏ lẻ, giá thức ăn tăng cao và giá một số sản phẩm không ổn định. Đặc biệt là chăn nuôi lợn, trong 5 tháng đầu năm, giá lợn hơi xuất chuồng duy trì ở mức thấp, không ổn định nên người dân chưa có đủ động lực và tài chính để đầu tư tái đàn, mở rộng quy mô chăn nuôi.

Số lượng đầu gia súc, gia cầm ước tính thời điểm 30/6/2023 và so với cùng kỳ: Đàn trâu đạt 16.500 con, giảm 3,23%; đàn bò đạt 92.500 con, giảm 4,76%; đàn lợn (không bao gồm lợn con theo mẹ) đạt 476.200 con, tăng 0,75%; đàn gia cầm 11.967,3 nghìn con, giảm nhẹ so với cùng thời điểm năm trước. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng 6 tháng đầu năm 2023 đạt 67.513 tấn, tăng 2,94% so với cùng kỳ. Ngoài sản lượng thịt trâu, bò hơi giảm 3,49%, các sản phẩm chăn nuôi khác đều tăng khá: thịt lợn hơi đạt 43.036,4 tấn, tăng 2,86%; thịt gia cầm đạt 21.126,7 tấn, tăng 4,21%; sản lượng trứng gia cầm đạt 359.155,1 nghìn quả, tăng 6,98%; sản lượng sữa bò tươi đạt 30.350 tấn, tăng 6,87% so với cùng kỳ.

2.2. Sản xuất lâm nghiệp

Sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn nhìn chung ổn định, diện tích rừng trồng mới tập trung và sản lượng gỗ khai thác tăng so với cùng kỳ. Kết quả sản xuất 6 tháng đầu năm: Diện tích rừng trồng mới tập trung trong tháng đạt 489,4 ha, đạt 67,91% kế hoạch năm và tăng 3,88%; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 21.954,0 m³, tăng 4,19%; sản lượng củi ước đạt 24.202 ste, giảm 0,80%; tổng số lượng cây trồng phân tán 511,8 nghìn cây, giảm 5,58%, số lượng cây phân tán trồng giảm chủ yếu do quỹ đất trồng ngày càng bị thu hẹp.

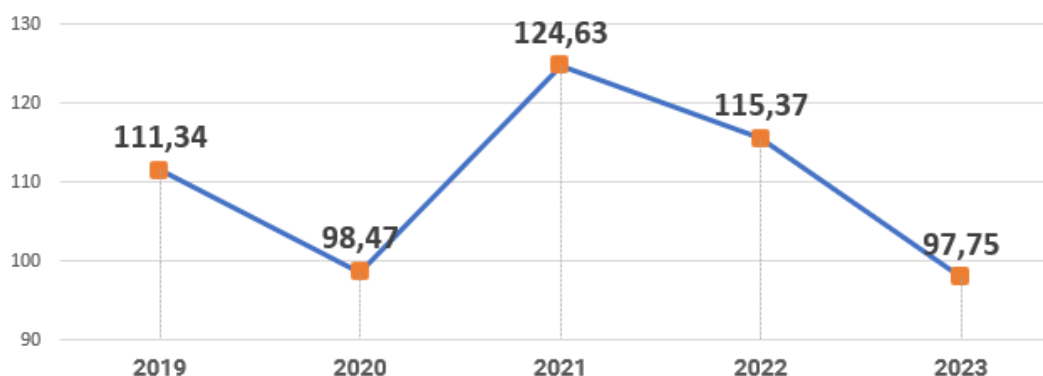
2.3. Sản xuất thủy sản

Sản xuất thủy sản 6 tháng đầu năm phát triển khá. Công tác phòng chống dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản được thực hiện hiệu quả nên không có dịch bệnh xảy ra, các loại thủy sản nuôi trồng đều phát triển tốt; các ao, hồ thả cá lưu tiếp tục được đánh tủa, thả bù và chăm sóc. Kết quả sản xuất thủy sản 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ: Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 11.609 tấn, tăng 3,29%; trong đó, sản lượng khai thác nội địa ước đạt 811 tấn, tăng 0,42%; sản lượng nuôi trồng ước đạt 10,98 nghìn tấn, tăng 3,52% so với cùng kỳ. Sản lượng con giống sản xuất ước đạt 2.057 triệu con, tăng 1,42%.

3. Sản xuất công nghiệp

Hoạt động sản xuất công nghiệp những tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn do kinh tế thế giới phục hồi chậm với chính sách thắt chặt tiền tệ ở nhiều quốc gia làm suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn dẫn đến đơn hàng sản xuất giảm. Quý II, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có xu hướng khả quan hơn, đặc biệt là trong ngành sản xuất linh kiện điện tử. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, IIP toàn ngành vẫn giảm 2,25% so với cùng kỳ năm 2022, mức giảm sâu nhất trong vòng 5 năm trở lại đây.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm giai đoạn 2019-2023 (%)



Tháng Sáu, ước tính IIP giảm 6,09% so với tháng trước và giảm 2,28% so với cùng kỳ. Trong tháng, hoạt động của các doanh nghiệp (DN) sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn gặp nhiều khó khăn, sản lượng sản xuất giảm; chủ yếu do nhu cầu thị trường thấp, đơn hàng giảm, chi phí đầu vào tăng cao, tình trạng phải cắt điện luân phiên do nguồn cung điện thiếu hụt. So với cùng kỳ, ngành Khai khoáng tăng 16,24%, ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 2,31%, ngành Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí giảm 6,22%, ngành Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải) tăng 8,33%.

Tính chung 6 tháng đầu năm, ước tính IIP giảm 2,25% so với cùng kỳ (6 tháng đầu năm 2022 tăng 15,37% so với cùng kỳ năm 2021). Trong các ngành công nghiệp cấp II: Ngành sản xuất da và các sản phẩm liên quan ghi nhận giảm 11,92% do nhu cầu tiêu thụ thấp do lạm phát cao, hạn chế mua sắm các mặt hàng không thiết yếu và ảnh hưởng của cuộc xung đột Nga-Ukraine kéo dài. Ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại và ngành sản xuất kim loại cũng giảm 20,00% và 13,98% tương ứng do kinh tế khó khăn và tiến độ chậm trong xây dựng và lãi suất cho vay cao. Ngành sản xuất xe có động cơ và sản xuất phương tiện vận tải ghi nhận giảm 39,68% và 9,82%. Sự trầm lắng của thị trường tiêu thụ ô tô và xe máy kể từ đầu năm, kết hợp với kinh tế khó khăn và lãi suất cho vay tiêu dùng cao đã làm giảm sức mua của người dân.

Ngành sản xuất linh kiện điện tử tăng 9,10%, tuy thấp hơn mức tăng của cùng kỳ các năm trước nhưng vẫn là ngành đóng góp chính vào tăng trưởng chung của tỉnh. Một số doanh nghiệp đã chủ động khắc phục khó khăn, đầu tư mở rộng quy mô sản xuất để đáp ứng yêu cầu của đối tác. Tuy vậy, ảnh hưởng tiêu cực từ nền kinh tế thế giới và giảm nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm điện tử cá nhân đã dẫn đến việc cắt giảm sản lượng của một số doanh nghiệp là nhà cung cấp của tập đoàn điện tử Samsung.

Sản lượng sản xuất một số sản phẩm: Tính chung 6 tháng đầu năm, sản lượng thức ăn gia súc, giày thể thao, gạch ốp lát, xe ô tô các loại, xe máy các loại giảm so với cùng kỳ, riêng doanh thu linh kiện điện tử tăng. Ước tính sản lượng của một số sản phẩm chủ yếu trên địa bàn trong quý II, 6 tháng đầu năm nay và sự biến động so với cùng kỳ cụ thể như sau:

Biểu 1. Ước tính sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu quý II và 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh

Sản phẩm	Đơn vị tính	Sản lượng		Tốc độ tăng (+)/giảm (-) so với cùng kỳ (%)	
		Quý II	6 tháng	Quý II	6 tháng

		2023	năm 2023	2023	năm 2023
Thức ăn gia súc, gia cầm	Tấn	67.663	133.409	-3,98	-10,38
Giày thể thao	Nghìn đôi	3.134,5	5.946,2	-4,84	-11,92
Gạch ốp lát	Nghìn m ²	28.125,7	46.212,7	-18,06	-20,00
Xe ô tô các loại	Chiếc	9.905	18.624	-41,12	-40,07
Xe máy các loại	Chiếc	418.174	800.513	-5,03	-9,14
Doanh thu sản xuất linh kiện điện tử	Tỷ đồng	54.808,3	102.556,6	+11,88	+9,10

Chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tháng 06/2023 tăng 2,25% so với tháng trước và giảm nhẹ 0,37% so với cùng kỳ. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ, song các doanh nghiệp đã nỗ lực thực hiện các giải pháp để ổn định sản xuất, tìm kiếm đơn hàng, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 6 giảm 0,53% so với tháng trước và giảm 6,56% so với cùng kỳ. So với tháng trước, 12 ngành công nghiệp cấp 2 có chỉ số tiêu thụ tăng với một số ngành tăng khá là: Ngành Dệt tăng 7,58%; ngành Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 8,20%; ngành Sản xuất thiết bị điện tăng 7,65%; ngành Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 5,80%...; 06 ngành còn lại có chỉ số tiêu thụ giảm, trong đó giảm mạnh nhất ở 02 ngành là Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic và Sản xuất xe có động cơ với tỷ lệ giảm lần lượt là 11,48% và 8,59%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Tháng 6/2023, chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,69% so với tháng trước và giảm 10,85% so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao là: Ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 31,69%; ngành sản xuất thiết bị điện tăng 12,58%; ngành Sản xuất xe có động cơ tăng 35,17%; ngược chiều, một số ngành có chỉ số tồn kho giảm đáng kể là ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 11,35%; ngành sản xuất kim loại giảm 21,01% và ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 13,21%.

4. Hoạt động của doanh nghiệp

4.1. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Đồng hành cùng với doanh nghiệp, Tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban ngành hỗ trợ, tạo mọi điều kiện tối đa cho doanh nghiệp khắc phục khó khăn. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của tăng trưởng kinh tế toàn cầu cũng như trong nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, số doanh nghiệp rút lui

khởi thị trường tiếp tục có xu hướng gia tăng, ngược lại số doanh nghiệp quay trở lại thị trường có chiều hướng giảm so với cùng kỳ năm trước.

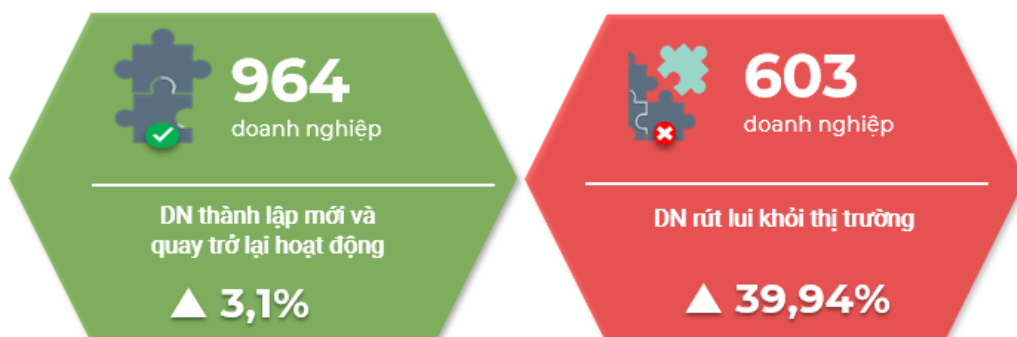
Tính đến ngày 15/6/2023, toàn tỉnh có 752 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 5.667 tỷ đồng, tăng 12,57% về số doanh nghiệp, nhưng giảm 13,87% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 6 tháng đầu năm đạt 7,53 tỷ đồng/doanh nghiệp, giảm 23,49% so với cùng kỳ.

Trong số 18 ngành, có 11 ngành có số doanh nghiệp thành lập mới tăng so với cùng kỳ, tăng cao nhất ở ngành nghệ thuật, vui chơi và giải trí (tăng 350%); ngành giáo dục (tăng 169,23%); ngành thông tin và truyền thông (tăng 42,86%);... Xét về cơ cấu số lượng doanh nghiệp thành lập mới, tập trung chủ yếu ở ngành bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác với 256 doanh nghiệp, chiếm 34,04%, tăng 19,07%; ngành công nghiệp chế biến chế tạo với 132 doanh nghiệp, chiếm 17,55%, tăng 2,33%; ngành xây dựng với 122 doanh nghiệp, chiếm 16,22%, tăng 12,96% so với cùng kỳ năm trước;...

Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong 6 tháng đầu năm là 4.783 người, tăng 22,83% so với cùng kỳ năm trước, tập trung chủ yếu ở một số ngành có thu nhập ổn định như: Ngành công nghiệp chế biến chế tạo là 1.774 lao động; ngành bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác là 1.130 lao động, ngành xây dựng là 571 lao động.

Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 212 doanh nghiệp, giảm 20,60% so với cùng kỳ, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động lên 964 doanh nghiệp (trung bình mỗi tháng có 160 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động).

Tình hình đăng ký doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2023



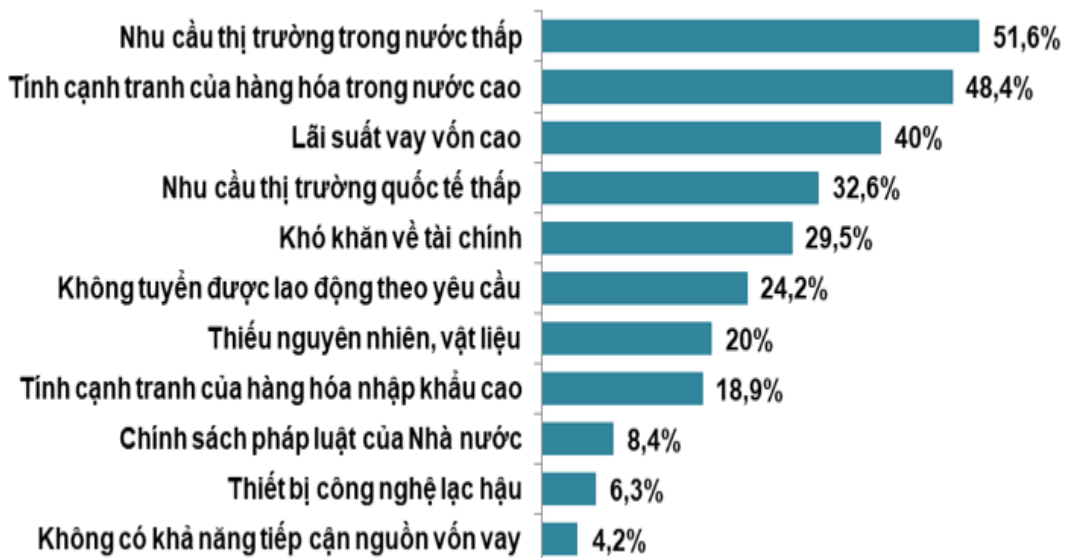
Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tiếp tục có chiều hướng gia tăng. Số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể trong kỳ là 603 doanh nghiệp, tăng 38,94% so với cùng kỳ, bao gồm: 542 doanh nghiệp tạm ngừng

kinh doanh có thời hạn, tăng 38,62%; 61 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 41,86% so với cùng kỳ. Trung bình mỗi tháng có 100 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

4.2. Xu hướng SXKD ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý II cho thấy: Có 58,94% doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh quý II/2023 khả quan hơn so với quý I/2023 (25,26% nhận định tốt hơn và 33,68% giữ ổn định), 41,06% DN đánh giá khó khăn hơn. Dự báo về tình hình sản xuất kinh doanh trong quý III/2023, 40% số DN đánh giá tốt hơn, 24,21% nhận định giữ mức ổn định và 35,79% đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ gặp khó khăn hơn quý II/2023.

Hình 5. Cơ cấu doanh nghiệp phân theo mức độ đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong quý II/2023



Quý II/2023, nhu cầu thị trường trong nước thấp là yếu tố được nhận định có ảnh hưởng lớn nhất đến sản xuất của các DN, tiếp theo là yếu tố tính cạnh tranh của hàng hoá trong nước cao... Có hai yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của DN trong quý II có sự thay đổi rõ rệt so với quý I đó là: “lãi suất vay vốn cao” và “khó khăn về tài chính”. Chỉ có 40% DN nhận định “lãi suất vay vốn cao” là yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của DN trong quý II/2023, trong khi quý I/2023 là 44,9%; 29,5% DN lựa chọn yếu tố “khó khăn về tài chính” quý II/2023 nhưng chỉ có 22,5% DN lựa chọn ở quý I/2023.

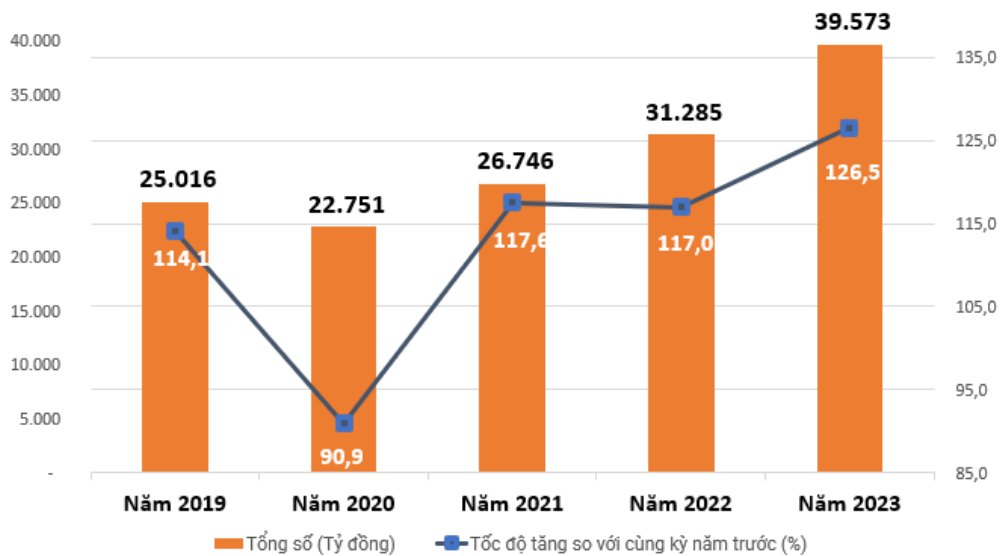
5. Thương mại, dịch vụ

Hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong 6 tháng đầu năm diễn ra khá sôi động; nhu cầu về đi lại du xuân, du lịch, ăn uống ngoài gia đình của người dân tăng khá cao so với cùng kỳ năm 2022; nhiều lễ hội được tổ chức với quy mô lớn, thu hút đông đảo du khách tham quan; qua đó góp phần quan trọng vào quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5.1. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Sáu tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên phạm vi toàn tỉnh ước đạt 39.572,9 tỷ đồng, tăng cao so với cùng kỳ với mức tăng đạt 26,49% (quý I đạt 19.873,8 tỷ đồng, tăng 33,77% so với cùng kỳ, quý II ước đạt 19.699,1 tỷ đồng, tăng 21,14% so với cùng kỳ).

**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
6 tháng đầu năm giai đoạn 2019-2023**



Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 33.735,7 tỷ đồng, tăng 22,82% so với cùng kỳ. Hầu hết doanh thu bán lẻ của 12 nhóm ngành hàng chủ yếu trong 6 tháng đầu năm nay đều tăng so với 6 tháng đầu năm 2022, trong đó, một số ngành hàng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng mức bán lẻ hàng hóa có doanh thu bán lẻ tăng và tăng cao như: Hàng lương thực thực phẩm (chiếm 19,96% tổng mức bán lẻ) tăng 2,1%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (chiếm 9,11%) tăng 33,51%; hàng gỗ và vật liệu xây dựng (chiếm 33,83%) tăng 26,69%; xăng dầu các loại (chiếm 11,53%) tăng 85,37%.

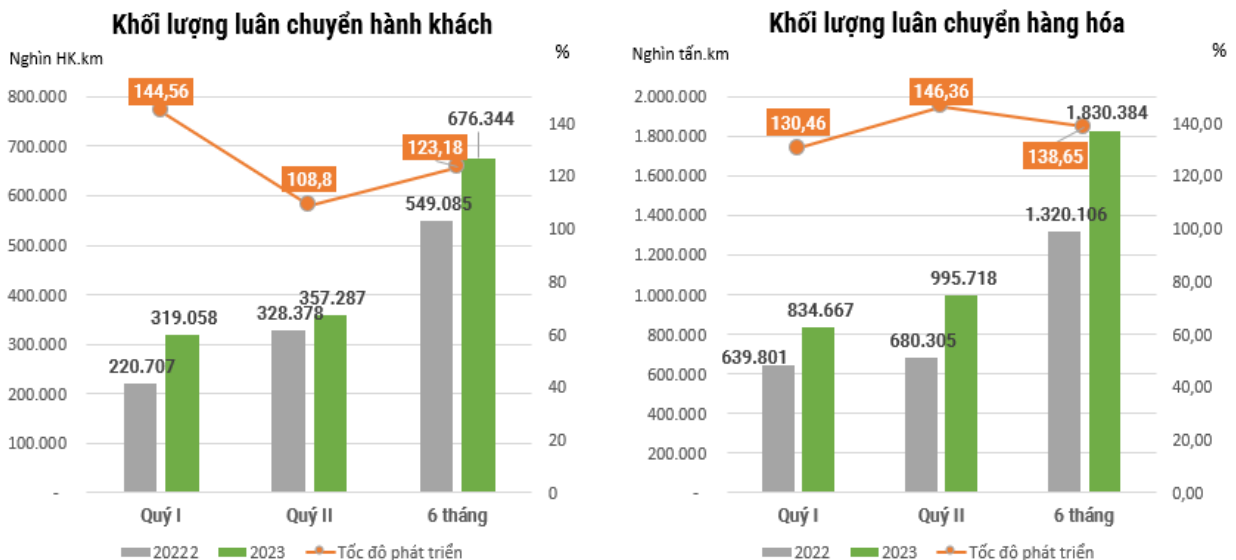
Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 3.536 tỷ đồng tăng 75,28% so với cùng kỳ, trong đó: Hoạt động dịch vụ du lịch ước đạt 199,5

tỷ đồng tăng tới 786,95%; hoạt động dịch vụ ăn uống ước đạt 2.881,3 tỷ đồng, tăng 73,92% và dịch vụ lưu trú ước đạt 455,2 tỷ đồng doanh thu, tăng 34,62%.

Doanh thu các ngành dịch vụ khác: ước đạt 3.612,5 tỷ đồng, tăng 21,35% so với cùng kỳ. Hầu hết cả các nhóm ngành dịch vụ đều có doanh thu tăng so cùng kỳ; trong đó, một số nhóm ngành có mức tăng cao như: Dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ ước đạt 626,7 tỷ đồng tăng 24,45%; dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội ước đạt 246 tỷ đồng tăng 20,12%; dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí ước đạt 325,7 tỷ đồng tăng 84,52%; dịch vụ khác (ngành S) ước đạt 515,7 tăng 57,65%.

5.2. Vận tải hành khách và hàng hoá

Sáu tháng đầu năm, hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh có sự tăng trưởng khá. Ước tính, doanh thu hoạt động vận tải 6 tháng đầu năm đạt 2.819,7 tỷ đồng, tăng 16,56% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hành khách ước đạt 529,1 tỷ đồng, tăng 35,12%; doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 2.131,3 tỷ đồng, tăng 13,31% so với cùng kỳ. Tổng khối lượng luân chuyển hành khách ước đạt 676.344 nghìn HK.km, tăng 23,18%; tổng khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 1.830,4 nghìn tấn.km, tăng 38,65% so với cùng kỳ.



5.3. Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa

Sự tác động khó khăn của tình hình kinh tế thế giới và sự suy giảm của sản xuất công nghiệp đã ảnh hưởng đến tình hình xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Trong lĩnh vực xuất khẩu, theo số liệu báo cáo của Chi cục Hải quan tỉnh Vĩnh Phúc kim ngạch xuất khẩu tính đến ngày 15/6/2023 trên địa bàn ước đạt 6.950,6 triệu USD, tăng 5,45% so với cùng kỳ. Nhóm hàng điện tử và linh kiện điện tử ghi nhận sự giảm nhẹ 0,63% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng lớn nhất (50,79%) trong kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, cho thấy tình hình khó khăn của ngành công nghiệp điện tử trên thế giới và sự giảm nhu cầu tiêu thụ sản phẩm điện tử. Nhóm dệt may ước đạt 230,8 triệu USD, giảm 9,7% và chiếm 3,32% do

suy giảm nhu cầu tiêu thụ các mặt hàng thiết yếu trong tình hình kinh tế chung. Tuy nhiên, một số nhóm hàng khác vẫn ghi nhận có sự gia tăng so với cùng kỳ: Nhóm hàng máy móc, thiết bị và phụ tùng ước tính đạt 1.345,2 triệu USD, tăng 32,68% và chiếm 19,35%; Nhóm hàng xe máy và linh kiện phụ tùng xe máy ước đạt 592,5 triệu USD, tăng 15,61% và chiếm 8,52%; Nhóm linh kiện, phụ tùng ô tô ước đạt 135,13 triệu USD, tăng 21,24% và chiếm 1,94%...

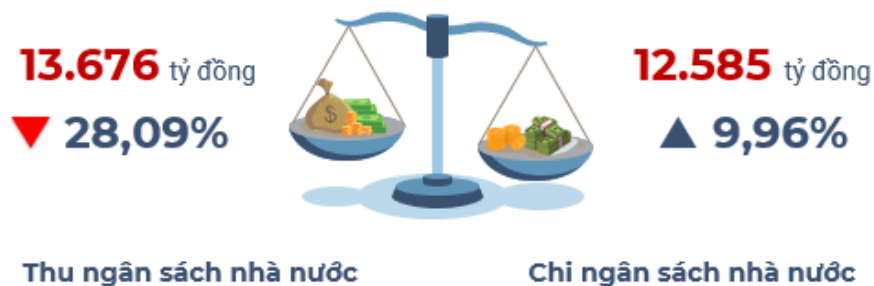
Về kim ngạch nhập khẩu, tính đến ngày 15/6/2023, ước đạt 6.180,4 triệu USD, giảm 5,18% so với cùng kỳ. Trong cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu, nhóm hàng điện tử và linh kiện điện tử dự kiến đạt 3.327,2 triệu USD, tăng 1,01% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 54,06% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa. Nhóm hàng máy móc, thiết bị và phụ tùng ước tính đạt 984,6 triệu USD, tăng 4,68% và chiếm 16,0%. Nhóm linh kiện phụ tùng ô tô ước đạt 192,4 triệu USD, giảm 35,67% và chiếm 3,13%; nhóm hàng xe máy và linh kiện phụ tùng xe máy ước đạt 72,9 triệu USD, giảm 28,72% và chiếm 1,18%. Các doanh nghiệp sản xuất ô tô, xe máy đối mặt với những khó khăn nên phải cắt giảm sản lượng, ảnh hưởng đến nhập khẩu các sản phẩm liên quan đến ngành ô tô và xe máy.

II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ

1. Tình hình thu, chi ngân sách nhà nước

Sáu tháng đầu năm 2023, thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn giảm do khó khăn trong hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp và tác động của các chính sách giảm, giãn thu của Nhà nước mới ban hành. Theo số liệu của Kho bạc Nhà nước tính đến 15/6/2023, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 13.676 tỷ đồng, giảm 28,09% so với cùng kỳ. Thu nội địa đạt 11.372 tỷ đồng, giảm 29,01%, giảm sâu ở các khoản thu từ nhà, đất (đạt 633,57 tỷ đồng) giảm 71,97%; thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (đạt 8.517 tỷ đồng) chiếm 62,28% tổng thu ngân sách trên địa bàn, giảm 26%.

Thu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tính đến ngày 15/6/2023



Để khắc phục những khó khăn trong sản xuất kinh doanh và tác động đến thu ngân sách của tỉnh, cơ quan Thuế đã tăng cường hoạt động tuyên truyền, giải

quyết, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho người nộp thuế, đồng thời tăng cường đôn đốc các khoản thu đến hạn.

Tổng chi ngân sách nhà nước đến ngày 15/6/2023 đạt 12.585 tỷ đồng, tăng 9,96% so với cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển (bao gồm cả tạm ứng) đạt 7.590 tỷ đồng, tăng 8,63%; chi thường xuyên đạt 4.943 tỷ đồng, giảm 11,40% so với cùng kỳ. Nhìn chung, công tác quản lý chi ngân sách đã được tăng cường, kiểm soát chi chặt chẽ, quản lý chi theo dự toán, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhưng vẫn bảo đảm các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Hoạt động ngân hàng, tín dụng

Sáu tháng đầu năm, kinh tế thế giới có nhiều biến động, lãi suất thế giới tiếp tục có xu hướng tăng. Nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn, phục hồi sản xuất kinh doanh, Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh giảm lãi suất điều hành từ 0,3-1% và khuyến khích các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí để ổn định mặt bằng lãi suất cho vay. Kết quả, mặt bằng lãi suất thị trường đã dần ổn định và có xu hướng giảm so với thời điểm cuối năm 2022³.

Tổng nguồn vốn huy động dự kiến đến 30/6/2023 đạt 117.000 tỷ đồng, tăng 6,77% so với cuối năm 2022. Tuy nhiên, nguồn vốn huy động hiện đang thiếu hụt so với dư nợ cho vay khoảng 4.000 tỷ đồng, thiếu hụt chủ yếu từ việc các doanh nghiệp rút tiền gửi để sử dụng trong hoạt động sản xuất và kinh doanh, cũng như thu hẹp sản xuất do thiếu đơn hàng và không có nhiều tiền gửi thanh toán. Các ngân hàng thương mại đã nỗ lực tăng cường khả năng huy động vốn nhân rộng trong dân cư để cân đối nguồn vốn và đáp ứng nhu cầu cho vay trong nền kinh tế.

Tổng dư nợ cho vay ước tính đến 30/6/2023 ước đạt 121.000 tỷ đồng, tăng 4,5% so với cuối năm 2022 và ước tính có gần 5.500 tỷ đồng được đưa vào nền kinh tế, góp phần hỗ trợ, tạo đà cho nền kinh tế phục hồi trong gian đoạn khó khăn như hiện nay. Dư nợ cho vay chủ yếu tập trung ở các khoản dư nợ cho vay ngắn hạn ước đạt 86.500 tỷ đồng, chiếm 71,49% tổng dư nợ, tăng 4,13%; dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 34.500 tỷ đồng, tăng 5,46% so với cuối năm 2022. Cơ cấu dư nợ cho vay tập trung chủ yếu vào các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và đầu tư phát triển (chiếm 85,8% tổng dư nợ); tỷ lệ cho vay các nhu cầu vốn phục vụ đời sống và dư nợ cho vay lĩnh vực bất động sản trong tầm kiểm soát,

³ Nhiều Ngân hàng thương mại (NHTM) áp dụng các chương trình giảm lãi suất hoặc các gói tín dụng ưu đãi với mức lãi suất thấp hơn khoảng 1-3%/năm. Hiện tại, lãi suất tiền gửi bình quân của các NHTM giảm 0,29%, lãi suất cho vay bình quân VND giảm 0,7%/năm so với cuối năm 2022. Lãi suất huy động phổ biến ở mức 0,2-8%/năm đối với từng kỳ hạn; lãi suất cho vay phổ biến từ 4-11,2%/năm đối với từng kỳ hạn và đối tượng.

chiếm 10,3% và 12,72% tổng dư nợ. Nợ xấu duy trì dưới 2% tổng dư nợ trong 6 tháng đầu năm 2023 (845 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,7%).

Tổng dư nợ và tổng nguồn vốn huy động tính đến ngày 30/6/2023



Tính đến ngày 30/6/2023, chính sách hỗ trợ lãi suất 2% đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh theo NĐ31 và Thông tư 03 đã mang lại kết quả khá tích cực. Có tổng cộng 57 khách hàng được hỗ trợ lãi suất, với số tiền hỗ trợ lên đến 15.200 triệu đồng. Ngoài ra, kết quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội của ngân hàng CSXH tỉnh: cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi với số tiền 1,52 tỷ đồng; cho vay học sinh, sinh viên để mua máy tính và thiết bị học trực tuyến đạt 7 tỷ đồng; cho vay mua, thuê mua nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP đạt 180 tỷ đồng; cho vay cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 với số tiền 5 tỷ đồng.

3. Bảo hiểm

Sáu tháng đầu năm 2023, Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh đã tích cực tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, đẩy mạnh tuyên truyền về chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đến nhân dân, tạo sự lan tỏa sâu rộng, nhất là đối với nhóm đối tượng là nông dân, người lao động tự do. Kết quả, trong tháng 6/2023 khai thác tăng mới 48 đơn vị tham gia BHXH, BHYT bắt buộc với số lao động của các đơn vị tăng mới là 186 người lao động; lũy kế 6 tháng đầu năm tăng mới 275 đơn vị với 917 lao động.

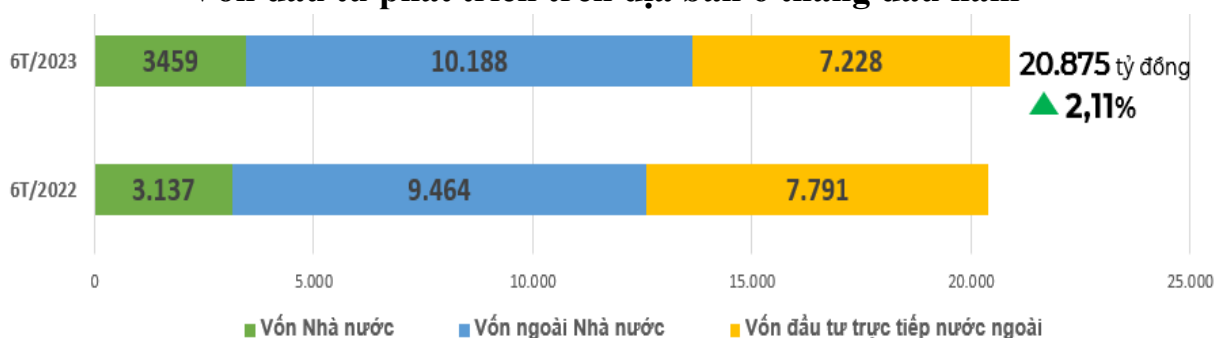
Ước tính đến 30/6/2023, toàn tỉnh có 1.142.664 người tham gia bảo hiểm các loại. Trong đó, có 244.601 người tham gia BHXH, chiếm 42,5% lực lượng lao động (*bao gồm: BHXH bắt buộc: 226.982 người; BHXH tự nguyện: 17.619 người*); tham gia BH thất nghiệp có 218.800 người, chiếm 37,5% lực lượng lao động; tham gia BHYT có 1.125.045 người, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 93% dân số. Tổng số tiền thu bảo hiểm các loại đến hết tháng 6 năm 2023 ước đạt 3.131,6 tỷ đồng, đạt 48,4% kế hoạch giao và tăng 10,03% so với cùng kỳ năm 2022. Công tác chi trả, nhất là trả lương hưu và trợ cấp BHXH được thực hiện đồng bộ, nhanh gọn và an toàn đến tận tay đối tượng. Qua đó, trong 6 tháng đầu năm BHXH tỉnh đã giải quyết hưởng BHXH hàng tháng cho 268 người; giải quyết hưởng BHXH

một lần cho 6.605 người; giải quyết ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho 69.300 lượt người; lập danh sách chi trả cho 5.171 lượt người hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

4. Hoạt động đầu tư

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt các cấp, các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, đặc biệt trong công tác giải ngân vốn đầu tư công nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn cho doanh nghiệp, tổ chức, nhà đầu tư, góp phần kích cầu đầu tư xã hội, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động.

Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 6 tháng đầu năm

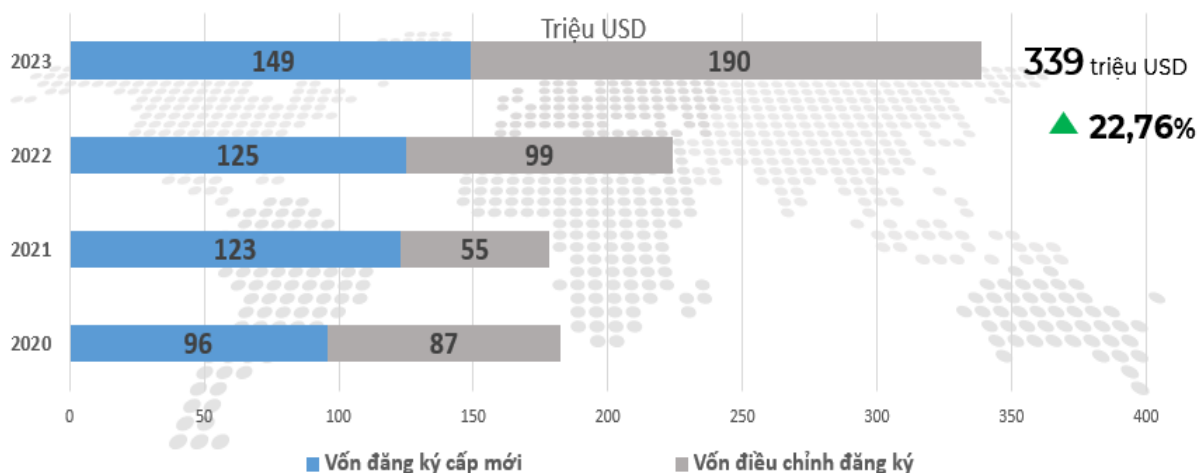


Sáu tháng đầu năm 2023, tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn ước đạt 20.874,70 tỷ đồng, tăng 2,11% so với cùng kỳ. Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước quản lý trên toàn tỉnh dự kiến đạt 3.458,78 tỷ đồng, trong đó, vốn từ nguồn ngân sách địa phương đạt 3.003,78 tỷ đồng, tăng 12,47% so với cùng kỳ nhưng chỉ đạt 27,80% kế hoạch. Vốn đầu tư và giải ngân còn thấp do nhiều nguyên nhân như đơn giá bồi thường đất chưa phù hợp, chậm tiến độ giải phóng mặt bằng, điều chỉnh và gia hạn thời gian thực hiện dự án chậm, cũng như việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa. Vốn đầu tư khu vực ngoài Nhà nước thực hiện trên địa bàn tỉnh ước đạt 10.187,56 tỷ đồng, tăng 7,65%. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 7.228,36 tỷ đồng, giảm 7,22% so với cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng bởi những bất ổn của nền kinh tế toàn cầu khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, nhất là khu vực FDI gặp khó khăn.

Thu hút đầu tư: Kết quả thu hút đầu tư là điểm sáng trong phát triển kinh tế 6 tháng đầu năm của tỉnh. Số vốn FDI thu hút trong kỳ tăng cao so với cùng kỳ năm trước và số vốn DDI đã vượt gấp đôi so với kế hoạch năm. Theo số liệu Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc tính đến ngày 15/6/2023, tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 31 dự án FDI với tổng vốn đăng ký đạt 339,22 triệu USD, tăng 51,33% so với cùng kỳ; tăng chủ yếu ở 19 dự án điều chỉnh vốn với tổng số đăng ký điều chỉnh đạt 189,79 triệu USD, tăng 92,38%. Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là ngành mũi nhọn về thu hút đầu tư FDI với 30/31 dự án; trong đó ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm

quang học có 05 dự án cấp mới với tổng vốn đăng ký 69 triệu USD và 07 dự án đăng ký điều chỉnh vốn với tổng vốn tăng 21,99 triệu USD.

**Vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào tỉnh Vĩnh Phúc tính đến ngày
15/6/2023 giai đoạn 2020-2023**



Về thu hút đầu tư trong nước: Đến ngày 15/6/2023 tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 11 dự án DDI với tổng vốn đăng ký đạt 11,2 nghìn tỷ đồng, tăng 44,07% so với cùng kỳ, vượt 2,2 lần so với kế hoạch năm 2023. Trong đó, cấp mới cho 05 dự án với tổng vốn đăng ký là 3,3 nghìn tỷ đồng; có 06 lượt dự án tăng vốn với tổng vốn tăng là 7,8 nghìn tỷ đồng.

5. Chỉ số giá

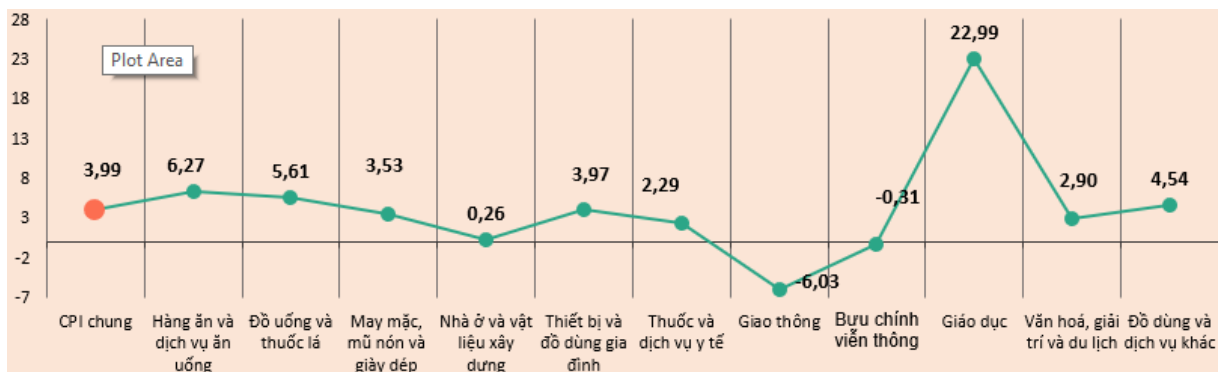
Giá thực phẩm liên tiếp tăng do nguồn cung hạn chế, giá xăng tăng theo giá nhiên liệu Thế giới, giá điện, nước sinh hoạt và các thiết bị điện lạnh tăng do thời tiết nắng nóng kéo dài là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2023 tăng 0,26% so với tháng trước, sau 3 tháng liên tiếp ghi nhận mức CPI giảm. So với tháng 12/2022, CPI tháng Sáu giảm 1,67% và so với cùng kỳ năm trước tăng 1,50%.

Tháng 6/2023, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 7 nhóm hàng tăng giá và 4 nhóm hàng giảm giá so với tháng trước. Trong đó, tăng cao nhất ở nhóm Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,74%, tác động làm CPI chung tăng 0,25 điểm phần trăm. Nguyên nhân do nhóm thực phẩm tăng 1,24%, tập trung ở một số mặt hàng sau: Giá thịt lợn tăng 9,25%; giá bán lẻ các mặt hàng thịt gia cầm khác tăng 1,20%; trứng các loại tăng 1,91%; giá các loại đậu và hạt tăng 3,67% ... Tiếp theo là nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,51% do trong tháng thời tiết nắng nóng, cộng với kế hoạch cắt điện luân phiên đã khiến sức mua những mặt hàng như quạt tích điện, quạt hơi nước, máy điều hòa nhiệt độ, tủ

lạnh... tăng cao nên đẩy giá tăng. Nhóm giao thông tăng 0,08% do tác động của 3 đợt điều chỉnh giá xăng trong tháng; Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,13%; Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép và nhóm giáo dục cùng có mức tăng 0,05% so với tháng trước. Ở chiều ngược lại, nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,29% so với tháng trước chủ yếu do giá gas trong tháng giảm sâu 8,38%; Nhóm đồ uống và thuốc lá giảm 0,30%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,03%.

Bình quân 6 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 3,99% so với cùng kỳ. Đóng góp lớn nhất vào mức tăng của CPI là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 6,27% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI tăng 2,09 điểm phần trăm; nguyên nhân do giá các mặt hàng lương thực tăng 7,28% (gạo tăng 3,66%, bột mì và ngũ cốc khác tăng 8,46%, lương thực chế biến tăng 13,23%), thực phẩm tăng 3,85% (thịt lợn tăng 5,55%, gia cầm khác tăng 4,44%). Việc điều chỉnh mức học phí tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh bắt đầu từ năm học 2022 - 2023 làm chỉ số giá của nhóm giáo dục tăng 22,99% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI tăng 1,48 điểm phần trăm. Các nhóm còn lại cũng ghi nhận mức tăng như: nhóm đồ uống và thuốc lá, tăng 5,61%; Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,97%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,90%; Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,26%.

Tốc độ tăng Chỉ số giá bình quân 6 tháng đầu năm (%)



Bên cạnh đó, các yếu tố làm giảm CPI trong 6 tháng đầu năm: nhóm giao thông giảm 6,03%, tác động làm CPI giảm 0,56% do giá nhiên liệu trong nước giảm 15,66% so với cùng kỳ năm trước theo biến động của giá Thế giới (xăng giảm 17,68%, dầu diesel giảm 14,15%). Tính từ đầu năm đến nay đã có 18 lần điều chỉnh giá xăng trong đó có 9 lần điều chỉnh tăng giá và 8 lần điều chỉnh giảm giá và 01 giữ nguyên. Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,31% do giá điện thoại thế hệ cũ và máy tính bảng giảm, tác động làm CPI giảm 0,01 điểm phần trăm.

Giá vàng và Đô la Mỹ: Tháng 6/2023, chỉ số giá vàng giảm 0,55% so với tháng trước, tăng 3,19% so với tháng 12/2022 và tăng 1,64% so với cùng kỳ năm

trước; chỉ số giá Đô la Mỹ tăng 0,17% so với tháng trước; giảm 4,27% so với tháng 12/2022 và giảm 0,17% so với cùng kỳ. Bình quân 6 tháng đầu năm 2023, chỉ số giá vàng giảm 0,83%, chỉ số giá Đô la Mỹ tăng 1,12 % so với cùng kỳ năm trước.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Sáu tháng đầu năm 2023, tỉnh Vĩnh Phúc phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện có nhiều khó khăn, thách thức. Song, với sự quyết tâm cao độ của toàn Đảng bộ, chính quyền, người dân và doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh ổn định, tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu phục hồi tích cực, các chế độ, chính sách, an sinh xã hội được bảo đảm, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

1. Lao động, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội

Các chính sách giải quyết việc làm tiếp tục được quan tâm thực hiện. UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản, kế hoạch phát triển thị trường lao động, đào tạo nghề nghiệp, giải quyết việc làm, an toàn, vệ sinh lao động. Hoạt động tư vấn giới thiệu việc làm được triển khai linh hoạt, trong đó toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho 10.854 lao động, bằng 67,84% so với kế hoạch và bằng 90,2% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó: nông nghiệp: 1.879 người; công nghiệp: 5.744 người; thương mại dịch vụ: 3.231 người.

Công tác giảm nghèo, an sinh xã hội: Sở Lao động Thương binh và Xã hội phối hợp với UBND các huyện, thành phố triển khai các hoạt động thăm hỏi, tặng quà các đối tượng hộ nghèo, bảo trợ xã hội nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 (Tổng số 3.618 hộ nghèo, 1.716 hộ cận nghèo BTXH, kinh phí thực hiện 3.466 triệu đồng); cấp 8.700 giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo ngay từ đầu năm giúp hộ nghèo được thụ hưởng chính sách được kịp thời. Cấp 29.246 thẻ BHYT cấp phát cho người nghèo, cận nghèo.

Các chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng được quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời, chính xác, đúng đối tượng. Trong dịp Tết Nguyên Đán Quý Mão 2023, Tỉnh Vĩnh Phúc đã tổ chức các đoàn thăm hỏi và tặng quà các đối tượng chính sách xã hội, các cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang, bệnh nhân điều trị tại các bệnh viện, khu điều dưỡng thương binh nặng trong và ngoài tỉnh. Kết quả, các đoàn đã trao tặng 71.555 xuất quà đến các đối tượng với số tiền là 38.268,6 triệu đồng. Huy động Quỹ đền ơn đáp nghĩa trên 10 tỷ đồng; tặng 120 sổ tiết kiệm với số tiền 386,8 triệu đồng; 100% xã, phường, thị trấn làm tốt công tác thương binh liệt sỹ; đời sống của người có công ngày càng được nâng cao, hiện nay 100% hộ người có công trên địa bàn tỉnh có mức sống trung bình trở lên.

Các lĩnh vực bảo trợ xã hội được thực hiện tốt, trong đó có 43 nghìn người hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng, 410 đối tượng được chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội; kịp thời thực hiện chính sách bảo trợ xã hội cho các đối tượng. Chúc thọ, mừng thọ 18.118 người cao tuổi. Chăm sóc, quản lý đối tượng tại các cơ sở bảo trợ xã hội; 100% đối tượng được hỗ trợ nhân dịp Tết Nguyên đán.

Công tác Bảo vệ, chăm sóc trẻ em được quan tâm; tỉnh đã chỉ đạo triển khai hỗ trợ nhân dịp Tết Nguyên đán đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh; ban hành định mức quà tặng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em; chỉ đạo triển khai xây dựng Nghị quyết về chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng cho trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn tỉnh; tổ chức Lễ phát động tháng hành động vì trẻ em năm 2023 và tổ chức truyền thông, tập huấn kỹ năng phòng tránh đuối nước tại các trường Tiểu học, THCS...

2. Giáo dục, đào tạo

Các hoạt động giáo dục và đào tạo được tổ chức theo kế hoạch, trong đó đã tổ chức thành công kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9; tổ chức kỳ thi Hội thi giáo viên dạy giỏi các môn khoa học tự nhiên bậc Trung học phổ thông cấp tỉnh năm học 2022-2023; Tổ chức tổng kết năm học 2022-2023; Tổ chức thi trình bày biện pháp; Hội thi GVCN lớp giỏi THCS cấp tỉnh năm học 2022-2023; Đặc biệt, kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2022 - 2023 tỉnh Vĩnh Phúc có 79 học sinh đạt giải, trong tổng số 92 học sinh tham dự, trong đó, có 5 giải Nhất và 3 học sinh lọt vào vòng chọn đội tuyển Olympic, Vĩnh Phúc đứng vị trí thứ 3 cả nước về số lượng giải Nhất của kỳ thi.

Công tác chuẩn bị cho kỳ thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp THCS, THPT năm học 2023-2024 đã được UBND tỉnh chỉ đạo hướng dẫn thực hiện, đảm bảo chất lượng tuyển sinh vào lớp 10 và thực hiện tốt việc phân luồng học sinh sau THCS. Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 Trung học Phổ thông năm học 2023-2024 của tỉnh Vĩnh Phúc đã diễn ra từ ngày 10/6 đến ngày 12/6/2023 với 17.531 thí sinh dự thi. Công tác đảm bảo cho kỳ thi được thực hiện chặt chẽ, an toàn, hiệu quả ở tất cả các hội đồng thi của tỉnh.

Công tác đào tạo nghề: UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch về giáo dục nghề nghiệp năm 2023; kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2023 theo đó đã có hơn 2 nghìn học sinh, sinh viên tham dự với 14 gian hàng tư vấn của các trường trong và ngoài tỉnh, 20 gian hàng của các doanh nghiệp và 7 doanh nghiệp tham gia ký kết tại ngày hội. Kết quả tuyển sinh: Đến ngày 25/5/2023, đã tuyển mới được 3.850 sinh viên trong đó 128 người học trung cấp và 3.722 người học sơ cấp, bằng 15% so kế hoạch và đạt 40% so với cùng kỳ năm 2022.

3. Y tế

Ngành Y tế tiếp tục đổi mới công tác quản lý; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần, thái độ phục vụ; phát triển kỹ thuật trong khám và điều trị bệnh đáp ứng cơ bản nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Công tác dự phòng đã được triển khai có hiệu quả, chủ động trong công tác tham mưu, triển khai thực hiện phòng chống dịch bệnh bảo đảm thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị các đơn vị đã được quan tâm mua sắm, đầu tư xây mới, cải tạo, sửa chữa. Đặc biệt, kể từ ngày 5/5/2023 Bệnh viện Đa khoa tỉnh đã chính thức tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh, chữa bệnh với cơ sở vật chất hiện đại đã góp phần nâng cao chất lượng phục vụ. Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt 40,5 giường, đạt 100,5% kế hoạch và tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2022. Công tác đào tạo nâng cao y đức ngày càng được quan tâm, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tỷ lệ bác sỹ/vạn dân đạt 14,8 bác sỹ, bằng 102,8% kế hoạch và tăng 2,1% so với cùng kỳ.

Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm: Triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2023, Vĩnh Phúc đã thành lập 149 đoàn kiểm tra, trong đó, cấp tỉnh 1 đoàn, cấp huyện 9 đoàn, cấp xã 136 đoàn tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm tại 1.155 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, qua kiểm tra có 89% cơ sở đạt quy định, phạt 13 cơ sở vi phạm với số tiền trên 75 triệu đồng; đồng thời, tiến hành làm xét nghiệm nhanh 256 mẫu thực phẩm.

Công tác phòng chống HIV/AIDS: Tính đến đầu tháng 6 tỉnh Vĩnh Phúc: lũy tích có 4.814 người nhiễm HIV, lũy tích số người chuyển AIDS là 2.330 người, lũy tích số người tử vong do AIDS là 1.097 người số người nhiễm HIV hiện còn sống là 3.717. Số bệnh nhân đang nhận thuốc điều trị ARV là 1.143 bệnh nhân (trong đó có 23 trẻ em). 100% trẻ nhiễm HIV/AIDS được hỗ trợ đầy đủ các dịch vụ theo nhu cầu (chăm sóc sức khỏe, tâm lý, dinh dưỡng, ...) và được điều trị bằng thuốc ARV.

4. Văn hóa, thể thao

Các hoạt động văn hóa, biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhân dân được thực hiện tốt, tỉnh đã tổ chức thành công Hội diễn Nghệ thuật quần chúng toàn quốc Ca khúc cách mạng với chủ đề “Tự hào giai điệu Tổ quốc” với sự tham gia của 28 đoàn nghệ thuật, trong đó Vĩnh Phúc giành huy chương vàng toàn đoàn; dàn dựng và công diễn vở chèo “Người Vĩnh Phúc”; thực hiện 08 chương trình nghệ thuật tổng hợp nhằm bảo tồn và phát triển nghệ thuật truyền thống; Nhà hát tỉnh

tổ chức biểu diễn 160 buổi thu hút hàng vạn lượt khán giả đến xem; tổ chức sôi động các hoạt động tuyên truyền, chào mừng kỷ niệm 60 năm Ngày Bác Hồ về thăm tỉnh Vĩnh Phúc và Mừng Đảng - Mừng Xuân Quý Mão 2023...

Hoạt động thể dục thể thao tiếp tục được quan tâm. Phong trào tập luyện và thi đấu các môn thể thao ngày càng phát triển rộng khắp, thu hút được số lượng lớn quần chúng. Chất lượng đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao từng bước được nâng lên, thành tích trong thi đấu thể thao được cải thiện, trong đó đoàn thể thao của tỉnh có 8 vận động viên tham dự Seagames 32 và giành được 4 huy chương vàng, 2 huy chương đồng.

5. Tình hình trật tự an toàn xã hội và tai nạn giao thông

Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội: An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Các hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn khách quốc tế đến thăm, làm việc tại tỉnh, các sự kiện chính trị, xã hội của đất nước, của địa phương được bảo vệ tuyệt đối an toàn. Công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng được đẩy mạnh. 100% các vụ án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đã nhanh chóng được điều tra làm rõ; số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm 21,8% so với năm 2021; tội phạm ma túy được tập trung đấu tranh đã phát hiện, bắt giữ 314 vụ với 348 đối tượng; khởi tố 53 vụ với 79 bị can, xử lý hành chính 645 vụ với 646 đối tượng vi phạm pháp luật về kinh tế; phát hiện, xử phạt 634 vụ, việc với 637 đối tượng vi phạm về môi trường, khởi tố 4 vụ với 5 bị can.

Tình hình tai nạn giao thông: Công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông được tăng cường. Các kế hoạch chuyên đề, các đợt cao điểm về xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông được triển khai hiệu quả, qua đó đã có nhiều chuyển biến tích cực, tình hình tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh giảm cả 3 chỉ tiêu về số vụ, số người chết và số người bị thương. Hàng nghìn trường hợp vi phạm được ghi hình và xử lý qua hình ảnh.

Trong tháng sáu, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 03 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 03 người bị chết; số người bị thương 07 người; số vụ tai nạn so với tháng trước tăng 01 vụ, tăng 02 người chết và số người bị thương tăng 05 người; Lũy kế 6 tháng đầu năm, trên địa bàn xảy ra 11 vụ, làm 9 người chết và 11 người bị thương, so với cùng kỳ giảm 04 vụ, giảm 01 người chết, tăng 07 người bị thương.

6. Tình hình cháy nổ, bảo vệ môi trường và thiên tai

Tình hình cháy nổ: Tháng 6, thời tiết nắng nóng, mưa, bão thất thường dễ khiến cho hệ thống thiết bị điện ngoài trời bị hư hỏng lớp vỏ cách điện, dẫn đến chập điện có nguy cơ xảy ra cháy, nổ. Công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu

nạn, cứu hộ tiếp tục được tăng cường từ tỉnh đến cơ sở. Trong tháng (tính từ 15/5/2023 đến 15/6/2023) trên địa bàn xảy ra 3 vụ cháy, nâng tổng số vụ cháy nổ trong 6 tháng đầu năm là 11 vụ, không có người chết và bị thương. Tổng giá trị thiệt hại của 6 vụ (5 vụ đang thống kê) là 302,5 triệu đồng, so với cùng kỳ giảm 01 vụ cháy, giảm 01 người bị thương.

Vi phạm môi trường: Trong kỳ, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi; chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục cụ thể hóa triển khai Đề án thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và vệ sinh môi trường. Các nhiệm vụ đánh chất lượng môi trường nước, đánh giá tình hình chất thải nhựa, quản lý chất lượng môi trường không khí, quan trắc hiện trạng môi trường... được các cơ quan chức năng triển khai theo kế hoạch. 6 tháng đầu năm, trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện 159 vụ, xử lý 159 vụ, số tiền đã xử phạt 2,3 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước số vụ VPMT phát hiện giảm vụ, số vụ đã xử lý giảm 9 vụ và số tiền xử phạt tăng 520 triệu đồng.

Tình hình thiên tai: 6 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ thiên tai, mưa lớn và giông lốc đã làm tốc mái 04 nhà dân và 01 trường học, ngập làm ảnh hưởng 21,1ha lúa, 250 cây ăn quả và cây lấy gỗ bị đổ, tổng giá trị thiệt hại ước tính 1,9 tỷ đồng./.

Nơi nhận :

- Vụ TH -TCTK;
- Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh;
- Một số Sở, ngành của tỉnh;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Phong